Cơ quan: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH HÒA, PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Email: thcsvinhhoa.pg@binhduong.gov.vn
Thời gian ký: 07.09.2023 15:27:14 +07:00

Biểu mẫu 09

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	Điều kiện tuyển sinh	Hoàn thành CTTH	Học xong lớp 6	Học xong lớp 7	Học xong lớp 8
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Học theo chương trình GDPT 2018. - Thực hiện chương trình học 35 tuần. - Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường. - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2018. - Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật. - Tổ chức đủ số tiết HĐTN-HN theo quy định phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường	- Học theo chương trình GDPT 2018. - Thực hiện chương trình học 35 tuần. - Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2006. - Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật. - Tổ chức đủ số tiết HĐTN-HN theo quy định phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường	- Học theo chương trình GDPT 2018 Hiện hành. - Thực hiện chương trình học 35 tuần. - Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2018. - Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật. - Tổ chức đủ số tiết HĐTN-HN theo quy định phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường	- Học theo chương trình GDPT 2006 Hiện hành. - Thực hiện chương trình học 35 tuần. - Dạy học tự chọn theo kế hoạch giáo dục nhà trường - Dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT 2006. - Dạy đủ số tiết của các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật. - Tổ chức đủ số tiết GD NGLL và Hướng nghiệp theo quy định phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.	- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Gia đình và Xã hội, làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường. - Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt	- Phong trào Đội. -HĐTN-HN.	- Phong trào Đội. -HĐTN-HN.	- Phong trào Đội. -HĐTN-HN.	- Phong trào Đội. - HĐNGLL.

	của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.	- Tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.	- Tích hợp nội dung giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.	- GD Hướng nghiệp. - Tích hợp nội dung giáo dục giáo dục pháp luật, BVMT, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong một số môn học: GDCD, Ngữ văn, Sinh học, Địa lý, Tiếng Anh, Lịch sử, NGLL.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Năng lực: + Giỏi: 25 % + Khá: 35 % + Trung bình: 37 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 97 % + Khá: 3 % + Trung bình: 0 %	- Năng lực: + Giỏi: 25 % + Khá: 35 % + Trung bình: 37 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 97 % + Khá: 3 % + Trung bình: 0 %	- Năng lực: + Giỏi: 25 % + Khá: 35 % + Trung bình: 37 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 97 % + Khá: 3 % + Trung bình: 0 %	- Năng lực: + Giỏi: 25 % + Khá: 35 % + Trung bình: 37 % + Yếu: 3 % - Phẩm chất: + Tốt: 97 % + Khá: 3 % + Trung bình: 0 % - Tốt nghiệp THCS: trên 99%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100%	100%	100%	70% THPT; 30% GDTX

Vĩnh Hòa, ngày 07 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

Hoàng Đức Tú

Cơ quan: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH HÒA, PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Email: thcsvinhhoa.pg@binhduong.gov.vn
Thời gian ký: 07.09.2023 15:27:27 +07:00

Biểu mẫu 10

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	855	219	171	230	235
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	836 97.78%	217 99,09%	166 97,08%	225 97,83%	228 97,02%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	19 0,91%	2 2,92%	5 2,17%	5 2,98%	7 2,22%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
II	**Số học sinh chia theo học lực**	855	219	171	230	235
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	234 27,37%	61 27,85%	45 26,32%	70 30,43%	58 24,68%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	376 43,98%	94 42,92%	86 50,29%	99 43,04%	97 41,28%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	238 27,84%	64 29,22%	40 23,39%	56 24,35%	78 33,19%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,82%	00 2,84%	00 4,60%	5 2,17%	2 0,85%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	853	219	171	230	233
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	234 27,37%	61 27,85%	45 26,32%	70 30,43%	58 24,68%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	376 43,98%	94 42,92%	86 50,29%	99 43,04%	97 41,28%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	7 0,82%	00 2,84%	00 4,60%	5 2,17%	2 0,85%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,47	0	0	1/245	2/235 0,85%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0/41	0/13	0/8	0/6	0/5
5	Bị đuổi học	00%	0 0	0 0	0 0	0 0

	(tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 0.90%	3	1	2	2
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện					18
2	Cấp tỉnh/thành phố					2
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**					**235**
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**					**233**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					58 24,68%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					97 41,28%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					78 33,19%
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	855/435	219/105	171/89	230/114	235/127
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	21	9	8	2	2

Vĩnh Hòa, ngày 07 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Hoàng Đức Tú

Cơ quan: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH HÒA, PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Email: thcsvinhhoa.pg@binhduong.gov.vn
Thời gian ký: 07.09.2023 15:27:38 +07:00

Biểu mẫu 11

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	16	Số 1,02m^2/1học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
5	Số phòng học bộ môn	0	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	02/01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38 hs/01 lớp	-
III	**Số điểm trường**	00	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	7.396 m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	2.666 m^2	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	48 m^2	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	48 m^2	
3	Diện tích thư viện (m^2)	192 m^2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	00	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	192m^2	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy	04	

	định		
1.1	Khối lớp 6	1	
1.2	Khối lớp 7	1	
1.3	Khối lớp 8	1	
1.4	Khối lớp 9	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	7	
2.1	Khối lớp 6	2	
2.2	Khối lớp 7	2	
2.3	Khối lớp 8	2	
2.4	Khối lớp 9	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	00	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	1	0,035
2	**Cát xét**	4	0,14
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	00
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	16	0,33
5	**Bảng tương tác thông minh**	00	00

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	00	0,035
2	Cát xét	4	0,14
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	00
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	0,33
5	Bảng tương tác.	00	00
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		0
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		X		0,11
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00		00		

*(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/92/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Vĩnh Hòa, ngày 07 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

Hoàng Đức Tú

Cơ quan: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VĨNH HÒA, PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Email: thcsvinhhoa.pg@binhduong.gov.vn
Thời gian ký: 07.09.2023 15:27:51 +07:00

Biểu mẫu 12

PHÒNG GDĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**59**	**0**	**0**	**52**	**1**	**2**	**4**	**6**	**40**	**0**	**46**	**0**	**0**	**0**
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	**47**	**0**		**45**	**1**	**0**	**0**	**6**	**40**	**00**	**46**	**00**	**00**	**00**
1	Toán	7	0	0	7	0	0	0	0	7	0	7	0	0	0
2	Lý	3	0	0	3	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
3	Hóa	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
4	Sinh	4	0	0	4	0	0	0	1	3	0	4	0	0	0
5	Văn	7	0	0	6	0	0	0	0	6	0	6	0	0	0
6	Sử	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
7	Địa	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	2	0	0	0
8	Tiếng Anh	5	0	0	5	0	0	0	1	4	0	5	0	0	0
9	Công nghệ (Nữ công)	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
10	Âm nhạc	2	0	0	1	1	0	0	0	2	0	2	0	0	0
11	Mỹ thuật	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
12	Thể dục	4	0	0	4	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0
13	GDCD	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
14	Tin học	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
II	**Cán bộ quản lý**	**3**	**0**	**0**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**0**	**2**	**10**	**01**	**0**
1	Hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	0	2	0	0	0	0	2	0	1	0	01	0

III	**Nhân viên**	**9**	**0**	**0**	**1**	**0**	**2**	**4**							
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0							
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	0	0	0							
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0							
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0							
9	…														

Vĩnh Hòa, ngày 07 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG THCS VĨNH HÒA

Hoàng Đức Tú